

BÁO CÁO
Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định
Dự án Luật Viễn thông (sửa đổi)

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Căn cứ Báo cáo thẩm định số 17/BCTĐ-BTP ngày 10/02/2023, Bộ Thông tin và Truyền thông xin báo cáo việc tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định đối với dự án Luật Viễn thông (sửa đổi) (sau đây gọi là dự thảo Luật) như sau:

I. NHỮNG NỘI DUNG TIẾP THU

1. Những vấn đề chung

1.1. Tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định tại Điểm 2 Mục I của Báo cáo thẩm định về phạm vi điều chỉnh của dự án Luật, Bộ Thông tin và Truyền thông trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế đã có một số nước xếp dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây là dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng đã điều chỉnh thuật ngữ "dịch vụ viễn thông", bổ sung các thuật ngữ "dịch vụ viễn thông cơ bản", "dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng", "dịch vụ trung tâm dữ liệu" và "dịch vụ điện toán đám mây" để đảm bảo tên gọi và phạm vi điều chỉnh của dự án Luật là thống nhất.

1.2. Tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định tại Điểm 1 Mục II của Báo cáo thẩm định về sự phù hợp của nội dung văn bản với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, Bộ Thông tin và Truyền thông đã bỏ Điều 10 và Điều 11 dự thảo Luật để đảm bảo phù hợp với Nghị quyết số 39-NQ/TW

ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; bộ quy định về “chấp thuận” trong dự án Luật tại khoản 2 Điều 28, điểm đ khoản 2 Điều 53 để đảm bảo phù hợp với chủ trương, yêu cầu của Đảng về đảm bảo tính công khai, minh bạch, đơn giản hóa trong thủ tục hành chính.

1.3. Tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định tại Điểm 4 Mục II của Báo cáo thẩm định về tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, Bộ Thông tin và Truyền thông đã rà soát bổ sung các Công ước quốc tế năm 1966 về các quyền dân sự và chính trị; về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa trong Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế liên quan đến dự án Luật Viễn thông (sửa đổi).

1.4. Tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định tại Điểm 1 Mục III của Báo cáo thẩm định về sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính, Bộ Thông tin và Truyền thông đã rà soát, bổ sung Báo cáo đánh giá thủ tục hành chính của dự án Luật để đáp ứng đầy đủ các yếu tố cấu thành thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ) và Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Bộ Thông tin và Truyền thông cũng đã bổ sung đánh giá tác động thủ tục hành chính đối với giấy phép nghiệp vụ viễn thông và đánh giá tác động thủ tục hành chính đối với giấy phép cung cấp dịch vụ không thiết lập mạng (bao gồm cả kinh doanh dịch vụ viễn thông, dịch vụ điện toán đám mây) theo quy định.

1.5. Tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định tại Điểm 2 Mục III của Báo cáo thẩm định về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật, Bộ Thông tin và Truyền thông cũng đã nghiên cứu, hoàn thiện thêm Báo cáo đánh giá vấn đề bình đẳng giới.

1.6. Tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định tại Mục IV của Báo cáo thẩm định về điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực, tài chính để bảo đảm thi hành dự

án Luật, Bộ Thông tin và Truyền thông đã bổ sung đánh giá, làm rõ về khả năng ngân sách nhà nước, nguồn lực đối với chính sách mới trong Tờ trình Chính phủ.

1.7. Tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định tại Điểm 1 Mục V của Báo cáo thẩm định, Bộ Thông tin và Truyền thông đã rà soát, hoàn thiện Tờ trình Chính phủ, đánh giá sâu sắc hơn nội dung về nguồn nhân lực, tài chính thực hiện Luật này; đánh giá sâu sắc hơn việc thể chế hóa các chính sách đã được thông qua tại nội dung dự án Luật thành các điều, khoản cụ thể trong nội dung dự án Luật; tính tương thích của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; đánh giá tác động những quy định mới theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện Báo cáo đánh giá tác động, Báo cáo đánh giá thủ tục hành chính, Báo cáo đánh giá tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, Báo cáo đánh giá hệ thống pháp luật đầy đủ theo quy định.

1.8. Tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định tại Điểm 2 Mục V của Báo cáo thẩm định về trình tự, thủ tục soạn thảo dự án Luật, Bộ Thông tin và Truyền thông đã rà soát, điều chỉnh lại các nội dung Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ quy định chi tiết cho phù hợp. Các nội dung giao cho Chính phủ trong Luật đều sẽ được quy định chung trong 01 Nghị định hướng dẫn chi tiết thi hành Luật này. Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ dự thảo Nghị định hướng dẫn chi tiết để trình Quốc hội kèm theo hồ sơ dự án Luật theo quy định.

1.9. Tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định tại Điểm 3 Mục V của Báo cáo thẩm định về kỹ thuật trình bày, soạn thảo văn bản, Bộ Thông tin và Truyền thông đã rà soát, chỉnh lý lại kỹ thuật trình bày, soạn thảo văn bản cho chính xác, rõ ràng, dễ hiểu và thống nhất theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14 ngày 14/3/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP), cụ thể:

a) Đã bổ sung quy định bãi bỏ các quy định sửa đổi, bổ sung Luật Viễn thông trong Luật Quy hoạch tại Điều 72 dự án Luật này.

b) Đã rà soát, bố cục toàn bộ nội dung dự thảo Luật theo phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm; không thể hiện dưới dạng gạch đầu dòng.

c) Đã điều chỉnh nội dung để làm rõ một số quy định chung chung, chưa rõ ràng tại khoản 4 Điều 62 (hiện nay là Điều 63) và khoản 3 Điều 42 của dự án Luật.

d) Đã bổ sung nội dung thực hiện theo quy định của pháp luật tại khoản 3 Điều 64 (hiện nay là Điều 65) dự án Luật về việc thực hiện kế hoạch giải phóng mặt bằng; bồi thường thiệt hại về đất đai, tài sản; bảo vệ diện tích đất dành cho dự án công trình viễn thông.

đ) Đã rà soát, đưa một số nội dung quy định mang tính giải thích từ ngữ, được dùng trong các quy định trong dự án Luật lên Điều 3 cho phù hợp, chỉ để lại các nội dung liên quan trực tiếp đến các quy định quản lý và cần có trong quy định để dễ hiểu, dễ thực hiện trong một số điều khoản.

2. Về những vấn đề cụ thể

2.1. Tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định tại Điểm 2 Mục II của Báo cáo thẩm định về tính hợp hiến của dự án Luật, Bộ Thông tin và Truyền thông đã bỏ Điều 22 của dự án Luật quy định về các hành vi hạn chế cạnh tranh trong lĩnh vực viễn thông để đảm bảo phù hợp với Hiến pháp và thống nhất với Luật Cạnh tranh, Luật Xử lý vi phạm hành chính. Bộ cũng đã rà soát những nội dung liên quan đến cạnh tranh tại dự án Luật để quy định theo hướng dẫn chiếu thực hiện theo pháp luật về cạnh tranh như ý kiến được nêu trong Báo cáo thẩm định.

2.2. Tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định tại Điểm 3 Mục II của Báo cáo thẩm định về tính hợp pháp, tính thống nhất, Bộ Thông tin và Truyền thông đã tiếp tục rà soát tổng thể các quy định tại dự án Luật với các Luật khác có liên quan và điều chỉnh tại dự án luật, cụ thể:

a) Đã điều chỉnh giải thích thuật ngữ "Tài nguyên Internet" bao gồm cả tên miền quốc tế do tổ chức cá nhân đăng ký tại Việt Nam để đảm bảo đầy đủ, phù hợp.

b) Đã điều chỉnh thuật ngữ quy định tại khoản 8 Điều 5 là "an toàn thông tin mạng" để đảm bảo phù hợp với Luật An toàn thông tin mạng và Luật An ninh mạng, tránh chồng chéo, trùng lặp.

c) Đã rà soát nội dung quy định tại Điều 17 (hiện nay là Điều 14) dự án Luật về quyền, nghĩa vụ của đại lý dịch vụ viễn thông trong lĩnh vực thương mại để đảm bảo không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của đại lý dịch vụ viễn thông

không cần thiết, đồng thời, tách bạch rõ quyền và nghĩa vụ của đại lý dịch vụ viễn thông.

d) Đã rà soát, điều chỉnh lại quy định về việc Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì quản lý hoạt động khuyến mại trong cung cấp dịch vụ viễn thông tại điểm c khoản 1 Điều 60 dự án Luật, đưa vào điều khoản quy định về trách nhiệm về quản lý nhà nước về viễn thông để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, tránh chồng chéo, trùng lặp với Luật Thương mại.

đ) Đã thể hiện lại nội dung về quy định xử lý nội dung vi phạm bản quyền, quyền sở hữu trí tuệ hoặc vi phạm quy định pháp luật khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền được thực hiện theo pháp luật về sở hữu trí tuệ, pháp luật về hình sự, pháp luật về dân sự tại khoản 5 Điều 70 dự án Luật (hiện nay là điểm đ khoản 1 Điều 30) để đảm bảo không trùng lặp với quy định của pháp luật về vi phạm bản quyền, quyền sở hữu trí tuệ hoặc vi phạm quy định pháp luật.

e) Đã điều chỉnh nội dung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 20 và điểm đ khoản 3 Điều 21 (hiện nay là Điều 18) dự án Luật để đảm bảo đồng bộ, thống nhất với Luật Giá, bỏ quy định liên quan đến Cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông tại dự án luật.

g) Đã bổ sung nội dung Chính phủ quy định việc xác định Danh mục thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý tại Điều 18 dự án Luật để đảm bảo tính khả thi, có cơ sở để thực hiện.

h) Đã rà soát các quy định giao cho các Bộ chủ trì, phối hợp cùng quy định chi tiết luật này để giao Chính phủ quy định hoặc chỉ giao cho một Bộ thực hiện cho phù hợp về mặt thẩm quyền theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

i) Đã bỏ nội dung quy định chuyển tiếp tại khoản 2 Điều 74 dự án Luật về việc các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông được tiếp tục cung cấp dịch vụ và hoàn thành việc thực hiện các quy định liên quan tại Luật này trong thời hạn 01 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành trong điều khoản chuyển tiếp để phù hợp với quy định.

k) Đã rà soát, chỉnh lý nội dung, quy định rõ dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây là các dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng, đồng bộ các quy định về kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây vào chương quy định Kinh doanh viễn thông để làm rõ quy định về điều

kiện đầu tư, kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây chỉ phải đáp ứng điều kiện đầu tư kinh doanh trong hoạt động viễn thông theo Chương II và Chương IV của dự án Luật.

l) Đã điều chỉnh lại quy định doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép thiết lập mạng, giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông đã được cấp theo quy định của Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 không bắt buộc phải đổi giấy phép, các giấy phép đã được cấp trước khi Luật này có hiệu lực thì tiếp tục được thực hiện cho đến khi hết thời hạn của giấy phép tại Điều 73 dự án Luật.

m) Đã điều chỉnh các quy định tại khoản 4 Điều 47 và khoản 4 Điều 50 không còn quy định giao cho Bộ hướng dẫn về thủ tục hành chính, quyền và nghĩa vụ của công dân để đảm bảo phù hợp với khoản 4 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

II. NHỮNG NỘI DUNG GIẢI TRÌNH

1. Về sự phù hợp của nội dung dự án Luật với chính sách trong đề nghị xây dựng dự án Luật

Qua rà soát, Bộ Tư pháp nhận thấy dự án Luật bổ sung thêm một số quy định mới so với Luật Viễn thông hiện hành; chính sách đã được thông qua tại Tờ trình số 06/TTr-BTTTT như: nội dung quản lý thẻ trả trước dịch vụ viễn thông và tài khoản SIM thuê bao di động quy định tại khoản 28, khoản 29 Điều 3 và khoản 5 Điều 61 dự án Luật theo hướng giao Chính phủ quy định. Quy định mới này có thể dẫn đến phát sinh chính sách mới nhưng chưa được cơ quan chủ trì soạn thảo đánh giá tác động chính sách theo quy định. Bộ Tư pháp có ý kiến đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông giải trình rõ hơn đây là chính sách mới hay chính sách hiện hành tại Tờ trình Chính phủ. Trường hợp là chính sách mới cần phải đánh giá tác động theo quy định và báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định. Trường hợp Chính phủ đồng ý, đề nghị quy định cụ thể nội dung quản lý thẻ trả trước dịch vụ viễn thông và tài khoản SIM thuê bao di động tại dự án Luật này hoặc bổ sung các quy định có tính nguyên tắc, trên cơ sở đó mới giao Chính phủ quy định chi tiết.

Về nội dung này, Bộ Thông tin và Truyền thông giải trình như sau:

Nội dung quản lý thẻ trả trước dịch vụ viễn thông và tài khoản SIM thuê bao di động không phải là chính sách mới, các nội dung này đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, cụ thể:

- Nội dung quản lý thẻ trả trước viễn thông: Nghị định 25/2011/NĐ-CP (Điểm b khoản 1 Điều 10) và Thông tư số 14/2012/TT-BTTTT quy định giá cước dịch vụ thông tin di động mặt đất đã quy định thẻ thanh toán dịch vụ thông tin di động là hàng hóa viễn thông chuyên dùng và một số nguyên tắc về quản lý thẻ thanh toán dịch vụ thông tin di động. Thuật ngữ này được điều chỉnh thành thẻ trả trước viễn thông để phản ánh đúng nội hàm là trả trước để nạp giá trị vào tài khoản SIM thuê bao di động.

- Nội dung quản lý tài khoản SIM thuê bao di động: Thông tư số 14/2012/TT-BTTTT đã quy định về nội dung tài khoản SIM thuê bao di động; Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn số 17/2016/TT-BTTTT, Thông tư số 08/2017/TT-BTTTT đã quy định về cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động và cho phép sử dụng tài khoản SIM thuê bao để chi trả cho dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động.

Dự thảo Luật bổ sung, nâng cấp các nội dung về quản lý thẻ trả trước dịch vụ viễn thông di động và tài khoản SIM thuê bao di động để hoàn thiện hành lang pháp lý, tạo cơ sở đầy đủ cho công tác quản lý hoạt động này. Bộ Thông tin và Truyền thông cũng đã tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp về việc bổ sung các quy định có tính nguyên tắc trong luật, trên cơ sở đó, giao Chính phủ quy định chi tiết.

2. Về tính hợp pháp, tính thống nhất

Báo cáo thẩm định nêu 08 nội dung:

(1) Bộ Tư pháp có ý kiến đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát nội dung quy định tại dự án Luật với các luật hiện hành có liên quan trong lĩnh vực thông tin và truyền thông để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, tránh chồng chéo, trùng lặp trong hệ thống pháp luật, ví dụ:

- Luật Công nghệ thông tin quy định loại hình dịch vụ công nghệ thông tin là hoạt động cập nhật, tìm kiếm, lưu trữ, xử lý dữ liệu và khai thác cơ sở dữ liệu (khoản 6 Điều 52) và có một mục riêng quy định về cơ sở hạ tầng thông tin. Trong khi đó, dự án Luật này bổ sung về Trung tâm dữ liệu là một tổ hợp bao gồm: hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng thông tin cùng các thiết bị phụ trợ được lắp đặt vào đó để thực hiện hoạt động lưu trữ, xử lý, trao đổi và quản lý tập trung dữ liệu của một hoặc nhiều tổ chức, cá nhân (khoản 31 Điều 3). Theo đó, Luật Công nghệ thông tin và dự án Luật có những nội dung quy

định có tính tương đồng, trùng lặp với nhau. Vì vậy, đề nghị làm rõ hơn vấn đề nêu trên để đảm bảo tính thống nhất.

Về nội dung này, Bộ Thông tin và Truyền thông giải trình như sau:

Hiện nay, xu hướng hội tụ giữa viễn thông và công nghệ thông tin dẫn đến việc không còn phân biệt ranh giới giữa hạ tầng viễn thông và hạ tầng công nghệ thông tin. Trung tâm dữ liệu với vai trò là nơi xử lý, lưu trữ dữ liệu của các tổ chức, cá nhân. Trung tâm dữ liệu cùng với đường truyền dẫn, kết nối với hạ tầng vật lý của mạng viễn thông chính là phần hạ tầng cho hoạt động của kinh tế số, xã hội số.

Cam kết quốc tế (WTO) đã phân loại dịch vụ cung cấp các tính năng gia tăng trên mạng viễn thông bao gồm việc lưu trữ, xử lý thông tin cho người sử dụng dịch vụ viễn thông là dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng. Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế cũng cho thấy, một số nước đã quản lý cấp phép dịch vụ trung tâm dữ liệu, có nước phân loại dịch vụ trung tâm dữ liệu là dịch vụ viễn thông như Trung Quốc, Thái Lan. Do đó, Bộ Thông tin và Truyền thông đã mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật Viễn thông (sửa đổi), đưa thêm trung tâm dữ liệu vào cơ sở hạ tầng viễn thông và dịch vụ trung tâm dữ liệu là dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng để phù hợp với xu thế phát triển và quản lý trên thế giới. Luật Công nghệ thông tin hiện có đề cập đến lưu trữ, xử lý dữ liệu trong thuật ngữ “công nghệ thông tin” và “cơ sở hạ tầng thông tin” nhưng chưa có quy định quản lý cụ thể về trung tâm dữ liệu, đặc biệt là trung tâm dữ liệu gắn với kết nối viễn thông. Vì vậy, dự án Luật này và Luật Công nghệ thông tin không bị trùng lặp, chồng chéo, vẫn đảm bảo tính thống nhất của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

(2) Về bảo đảm bí mật thông tin; các hành vi bị nghiêm cấm: Bộ Tư pháp có ý kiến đề nghị rà soát lược bỏ các nội dung quy định tại Điều 6 và Điều 12 dự án Luật với các luật khác (nếu không có nội hàm mới khi quy định trong dự án Luật) để đảm bảo thống nhất, tránh trùng lặp nội dung quy định về bí mật thông tin và các hành vi bị nghiêm cấm tại các luật, Bộ luật khác như: Bộ luật Hình sự, Bộ luật Dân sự, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, Luật Quảng cáo.... theo đó, đề nghị xem xét lại quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6 dự án Luật có thể dẫn đến vi phạm bí mật về thông tin cá nhân.

Về nội dung này, Bộ Thông tin và Truyền thông giải trình như sau:

Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Thông tin và Truyền thông đã rà soát, lược bỏ một số nội dung trong Điều 6 và Điều 12 để đảm bảo thống nhất, tránh trùng lặp nội dung, chỉ giữ các nội dung là quy định đặc thù riêng của lĩnh vực viễn thông. Đối với điểm b khoản 4 Điều 6, Bộ Thông tin và Truyền thông đã điều chỉnh nội dung trong dự thảo Luật để vừa đảm bảo phù hợp với các quy định về bí mật thông tin cá nhân vừa đảm bảo cho các doanh nghiệp có thể chia sẻ thông tin phục vụ cho hoạt động đối soát sản lượng, doanh thu, phân chia cước trong hoạt động kinh doanh theo thông lệ quốc tế.

(3) Về Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam: đây là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách mang ý nghĩa công ích. Về nguyên tắc, nguồn tài chính hình thành Quỹ này do ngân sách nhà nước đảm bảo. Tuy nhiên, theo dự án Luật, nguồn tài chính hình thành nên Quỹ này lại chủ yếu chỉ từ đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông và không sử dụng nguồn từ ngân sách nhà nước. Việc yêu cầu doanh nghiệp viễn thông phải đóng góp kinh phí cho Quỹ ngoài các khoản thuế, phí, lệ phí mà doanh nghiệp đã nộp theo quy định là nên được cân nhắc để phù hợp với pháp luật về thuế, phí và lệ phí. Mặt khác, hoạt động của Quỹ trong thời gian qua còn chưa hiệu quả, bộc lộ nhiều vướng mắc, bất cập đến nay chưa được giải quyết. Do đó, Bộ Tư pháp có ý kiến đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc việc quy định về Quỹ dịch vụ viễn thông công ích tại dự án Luật. Hoạt động viễn thông công ích cần được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Về nội dung này, Bộ Thông tin và Truyền thông giải trình như sau:

- Đối với nội dung nguồn tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam là quỹ tài chính ngoài ngân sách Nhà nước; nguồn tài chính của Quỹ không lấy từ ngân sách nhà nước là phù hợp với quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, theo đó “Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách là quỹ do cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước” (Khoản 19 Điều 4) và “Ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách (Khoản 11 Điều 8).

- Đối với sự phù hợp với pháp luật về thuế, phí, lệ phí: Phí, lệ phí là khoản phải nộp vào ngân sách nhà nước khi tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục hành chính, dịch vụ công. Thuế là khoản doanh nghiệp nộp vào ngân sách nhà nước tính theo lợi nhuận từ toàn bộ các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Khoản đóng góp của doanh nghiệp viễn thông vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công

ích Việt Nam được tính chỉ theo doanh thu dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp, không thu từ các hoạt động kinh doanh khác, dùng để thực hiện chính sách viễn thông công ích của nhà nước. Với cơ chế như trên, việc đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông vào Quỹ không trái với quy định pháp luật về thuế, phí, lệ phí cũng như pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Đối với nội dung hoạt động của Quỹ trong thời gian qua: Các bất cập, hạn chế trong hoạt động của Quỹ thời gian qua chủ yếu liên quan đến vấn đề thực hiện nhiệm vụ, đã được xử lý tại các văn bản mới ban hành về điều hành chương trình công ích.

- Đối với sự cần thiết duy trì quy định về Quỹ trong dự thảo Luật sửa đổi: Việc tiếp tục duy trì quy định về Quỹ trong dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) là phù hợp với chính sách quản lý viễn thông, phát triển kinh tế - xã hội, cam kết quốc tế của Việt Nam và thông lệ quốc tế hiện nay, cụ thể:

Thứ nhất, đây là công cụ điều tiết quan trọng của Nhà nước nhằm cân bằng giữa cạnh tranh và phục vụ, giữa kinh doanh và công ích, giữa lợi nhuận và phát triển kinh tế - xã hội. Để bảo đảm tính công bằng, minh bạch trong đóng góp của các doanh nghiệp, Nhà nước phải thành lập tổ chức tài chính trung gian (Quỹ) để quản lý sử dụng các khoản đóng góp này. Về dài hạn, việc tiếp tục duy trì cơ chế chủ động về kinh phí của quỹ sẽ đảm bảo tính linh hoạt và kịp thời trong việc triển khai các hoạt động viễn thông công ích ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, các khu vực kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Thứ hai, đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông cho Quỹ là một hình thức Nhà nước và doanh nghiệp cùng làm, kết hợp chia sẻ trách nhiệm về tài chính để hỗ trợ dịch vụ công ích.

Thứ ba, việc quy định cơ chế cung cấp dịch vụ trên cơ sở đóng góp từ doanh thu dịch vụ viễn thông vào Quỹ nhằm đáp ứng cam kết của Việt Nam về quản lý nhà nước dịch vụ viễn thông công ích khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) năm 2007.

Thứ tư, việc hình thành và quy định về Quỹ trong luật là đúng theo xu thế quản lý nhà nước về viễn thông trên thế giới. Theo thống kê của Liên minh Viễn thông quốc tế (ITU), tính đến năm 2009, có 50 nước trên thế giới thành lập Quỹ phổ cập dịch vụ viễn thông; Năm 2013, Quỹ được triển khai tại 67 nước và đến năm 2019 đã được triển khai tại 91 nước, trong đó có 5 nước ASEAN.

(4) Về phân bổ, sử dụng, hoàn trả kho số viễn thông, tài nguyên Internet (Điều 52 dự án Luật), Bộ Tư pháp có ý kiến đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo quy định rõ trình tự, thủ tục đấu giá phân bổ kho số viễn thông, tài nguyên Internet thực hiện theo pháp luật về đấu giá tài sản để bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Luật Đấu giá tài sản, như: khoản 5 Điều 52 dự án Luật quy định việc đấu giá tài nguyên viễn thông chỉ thực hiện bằng hình thức đấu giá trực tuyến theo phương thức trả giá lên là chưa đồng bộ với Điều 40 của Luật Đấu giá tài sản, theo đó việc tổ chức đấu giá tài sản được thỏa thuận với người có tài sản đấu giá lựa chọn một trong các hình thức sau: (i) Đấu giá trực tiếp bằng lời nói tại cuộc đấu giá; (ii) Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá; (iii) Đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp; (iv) Đấu giá trực tuyến.

Trong khi đó, khoản 1 Điều 3 Luật Đấu giá tài sản đã quy định rõ: “trường hợp có sự khác nhau giữa quy định về trình tự, thủ tục đấu giá của Luật này và quy định của luật khác thì áp dụng quy định của Luật này, trừ trường hợp việc đấu giá đối với chứng khoán được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán; việc đấu giá đối với tài sản nhà nước ở nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước”. Do đó, dự án Luật quy định nội dung đấu giá khác Luật Đấu giá tài sản là chưa đồng bộ, thống nhất.

Về nội dung này, Bộ Thông tin và Truyền thông giải trình như sau:

Dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) quy định hình thức đấu giá quyền sử dụng kho số viễn thông, tên miền Internet bằng hình thức đấu giá trực tuyến theo phương thức trả giá lên để phù hợp với tính chất đặc thù của tài sản đấu giá trong lĩnh vực viễn thông. Trình tự, thủ tục đấu giá vẫn thực hiện theo quy định của Luật Đấu giá tài sản, dự thảo Luật không quy định trình tự, thủ tục riêng nên hoàn toàn đồng bộ, thống nhất với Luật Đấu giá tài sản. Khi triển khai việc đấu giá kho số viễn thông, tên miền Internet, cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức đấu giá sẽ có thỏa thuận cụ thể với tổ chức đấu giá tài sản để thực hiện trình tự, thủ tục theo đúng quy định.

(5) Khoản 1 và khoản 5 Điều 69 dự án Luật quy định: Nhà cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây phải đáp ứng các điều kiện về đầu tư, kinh doanh trước khi thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây cho người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam và giao Chính phủ quy định chi tiết điều kiện đầu tư, kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây. Qua rà soát, Luật Đầu tư quy định kinh doanh

dịch vụ viễn thông là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện (mục 118, Phụ lục IV); kinh doanh dịch vụ điện toán đám mây không phải là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Vì vậy, để thống nhất với Luật Đầu tư, Bộ Tư pháp có ý kiến đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại nội dung quy định này tại dự án Luật cho phù hợp.

Về nội dung này, Bộ Thông tin và Truyền thông giải trình như sau:

Dịch vụ điện toán đám mây là dịch vụ gắn liền với hạ tầng trung tâm dữ liệu, thông qua công nghệ ảo hóa các tài nguyên điện toán của trung tâm dữ liệu để cung cấp tính năng xử lý, tính toán, truy nhập thông tin qua mạng viễn thông. Ở Việt Nam, nhu cầu sử dụng dịch vụ điện toán đám mây để lưu trữ, xử lý thông tin, thực hiện các hoạt động trên môi trường số ngày càng nhiều, không chỉ người dân mà cả các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Vì vậy, để đảm bảo an toàn dữ liệu, bảo vệ quyền lợi của người dùng, đảm bảo thị trường phát triển ổn định, hạn chế ảnh hưởng tiêu cực đến người dân, kinh tế - xã hội của đất nước, việc đặt ra các quy định quản lý dịch vụ điện toán đám mây là cần thiết. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ điện toán đám mây phải đáp ứng các điều kiện đầu tư kinh doanh để đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về tiêu chuẩn, chất lượng dịch vụ, đảm bảo lợi ích xã hội, lợi ích của người sử dụng trước khi hoạt động kinh doanh.

Bộ Thông tin và Truyền thông đã đưa dịch vụ điện toán đám mây là dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng và dịch vụ này sẽ nằm trong danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện là kinh doanh dịch vụ viễn thông trong Phụ lục IV Luật Đầu tư.

(6) Luật Lưu trữ đã quy định về quản lý tài liệu lưu trữ điện tử (Điều 13). Vì vậy, Bộ Tư pháp có ý kiến đề nghị rà soát các quy định về lưu trữ tại dự án Luật để đảm bảo tính đồng bộ với Luật Lưu trữ hoặc chỉnh lý lại theo hướng viên dẫn thực hiện theo pháp luật về lưu trữ. Trường hợp dự án Luật có quy định khác với quy định về lưu trữ điện tử tại Luật Lưu trữ, đề nghị giải trình rõ hơn tại Tờ trình.

Về nội dung này, Bộ Thông tin và Truyền thông giải trình như sau:

Dự án Luật Viễn thông (sửa đổi) không điều chỉnh các nội dung quản lý hoạt động lưu trữ dữ liệu, chỉ điều chỉnh trung tâm dữ liệu là một cấu phần của cơ sở hạ tầng viễn thông và các dịch vụ kinh doanh gắn với hạ tầng trung tâm dữ

liệu. Do đó, dự án luật đảm bảo đồng bộ, không chồng chéo, mâu thuẫn với Luật Lưu trữ.

(7) Hiện nay, Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/07/2013 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng có quy định về việc đăng ký tên miền “.vn” được thực hiện thông qua các nhà đăng ký tên miền “.vn” và dịch vụ đăng ký duy trì tên miền. Theo phụ lục IV của Luật Đầu tư thì dịch vụ “đăng ký, duy trì tên miền” là dịch vụ kinh doanh có điều kiện. Tuy nhiên, dự án Luật chưa đề cập tới việc tiếp nhận, xử lý yêu cầu đăng ký, duy trì tên miền. Do đó, Bộ Tư pháp có ý kiến đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn, đáp ứng yêu cầu quản lý.

Về nội dung này, Bộ Thông tin và Truyền thông giải trình như sau:

Tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” là một thành phần nằm trong tài nguyên Internet thuộc tài nguyên viễn thông. Dự án Luật đã quy định thuật ngữ “tài nguyên Internet” tại Khoản 24 Điều 3 và có các quy định quản lý tài nguyên Internet trong Chương VI về tài nguyên viễn thông. Đây là cơ sở để quy định các nội dung liên quan đến việc quản lý tên miền, quản lý hoạt động đăng ký, duy trì tên miền trong các văn bản hướng dẫn Luật. Do đó, Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ nghiên cứu, xem xét bổ sung các nội dung quy định cụ thể về tên miền “.vn” trong Nghị định hướng dẫn để đáp ứng yêu cầu quản lý.

Trên đây là những nội dung tiếp thu, giải trình đối với Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định về dự án Luật Viễn thông (sửa đổi)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Ủy ban KHCNMT của Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Phạm Đức Long;
- Lưu: VT, CVT(3).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Đức Long